

Số: /GPMT-STNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Xét văn bản số 795/QLDA ngày 06/6/2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Xây dựng trường THCS Thụy Phương A”, văn bản số 1282/QLDA ngày 15/8/2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội tại Báo cáo ngày 19-/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, có địa chỉ trụ sở chính tại: Lô C Khu liên cơ quan, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: “Xây dựng trường THCS Thụy Phương A” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Xây dựng trường THCS Thụy Phương A”.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3. Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm.

1.4. Mã số thuế: 0107777649.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giáo dục, đào tạo.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

* Quy mô đầu tư:

- Giải phóng mặt bằng và san nền toàn bộ khu đất có diện tích khoảng 12.398m².

- Xây dựng mới hoàn chỉnh trường THCS đạt chuẩn quốc gia với quy mô 37 phòng học và các phòng chức năng đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng các hạng mục phụ trợ khác và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ...

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

(Các hạng mục đầu tư sẽ được chuẩn xác tại bước lập dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành).

(Theo Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc triển khai thực hiện một số dự án sử dụng vốn đầu công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của quận Bắc Từ Liêm)

* Quy mô các hạng mục:

Diện tích khu đất xây dựng: 9.785,7m², trong đó:

- Diện tích xây dựng: 3.731m²

+ Diện tích xây dựng nhà lớp học, hiệu bộ và phòng chức năng: 2.697m².

+ Diện tích xây dựng nhà đa năng: 635m².

+ Diện tích xây dựng nhà để xe: 323m².

+ Diện tích xây dựng các công trình phụ trợ: 76m².

- Tổng diện tích sàn: 10.770m²

+ Diện tích sàn nhà lớp học, hiệu bộ và phòng chức năng: 8.120m².

+ Diện tích sàn nhà đa năng: 1.908m².

+ Diện tích sàn nhà để xe: 646m².

+ Diện tích sàn các công trình phụ trợ: 96m².

- Tầng cao: 1, 2 và 3 tầng.

- Diện tích sân thể thao: 400m².

- Diện tích sân, vườn, cây xanh: 3.680,7m².

- Diện tích đường giao thông nội bộ: 1.974m².

- Số phòng học: 37 phòng.

(theo Văn bản số 886/UBND-QLĐT ngày 01/4/2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc dự án: Xây dựng Trường trung học cơ sở Thụy Phương A).

- Nhóm dự án: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Thời gian thực hiện dự án: năm 2024-2027.

* Quy mô dự kiến số học sinh khoảng 1.665 học sinh và 80 giáo viên, cán bộ nhân viên.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

3. Chủ dự án đầu tư chủ trì, phối hợp Trường THCS Thụy Phương A thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo yêu cầu nêu tại giấy phép môi trường này.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; (để b/cáo)
- Giám đốc Sở;
- PGD Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT Hà Nội;
- UBND quận Bắc Từ Liêm;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm;
- Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, HS._(Binh)

Mã hồ sơ: H26.14-240607-0008

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước thải từ xí tiêu, từ khu vực nhà bếp, từ bồn rửa tay, thoát sàn).
- Nguồn số 02: Nước thải từ phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực thuộc phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: hệ thống thoát nước chung phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2 331 984; Y= 579 301.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm qua ống uPVC D200 về hố ga sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước khu vực.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Tự chảy.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1,0; cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện(*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện(**)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		

(*) (**): theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của dự án riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ xí tiêu → hệ thống đường ống uPVC D110 → thoát vào 04 bể tự hoại (mỗi bể có thể tích 10m^3) → Đường ống uPVC D200 → Bể thu gom nằm trong hệ thống xử lý nước thải công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn → hệ thống đường ống uPVC D90, D200 → Bể thu gom nằm trong hệ thống xử lý nước thải công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nước thải nhà bếp → ống uPVC D110 → bể tách mỡ (thể tích 16m^3) → ống uPVC D200 → Bể thu gom nằm trong hệ thống xử lý nước thải công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm được thu gom vào thùng chứa dung tích 240 lít sau đó được lưu chứa tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* Công trình xử lý nước thải tập trung:

- Vị trí: đặt ngầm tại phía Tây Bắc khu đất.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế: $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dinh dưỡng (mật rỉ đường), NaClO .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào (tại bể thu gom) và 01 mẫu nước thải đầu ra (tại hố ga sau xử lý).

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: theo các nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Thông báo thời điểm vận hành thử nghiệm tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại khoản 5 và thực hiện trách nhiệm trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải:

01 dòng khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: ống thải dẫn lên mái phòng kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải.

- Toạ độ: X = 2 331 941; Y = 579 291.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Liên tục (24 giờ).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với K_p=1,0 và K_v=0,6, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	30 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng ^(*)	Không thuộc đối tượng ^(**)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,5 ⁽¹⁾		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15 ⁽²⁾		

(), (**): theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.*

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (K_p=1,0 và K_v=0,6).

- ⁽²⁾: giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom: Khí thải từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải được thu gom được dẫn vào tháp xử lý mùi bằng quạt hút, sử dụng than hoạt tính để xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, mùi → Tháp xử lý mùi → Khí sạch sau xử lý.

- Thiết kế tháp xử lý mùi: kích thước DxH = 800x2.300mm (vật liệu composit); lớp than hoạt tính dày 300mm; quạt hút công suất P = 0,25kw; lưu lượng 700-1.000m³/h.
- Công suất thiết kế: 700-1.000m³/h.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;
- Định kỳ kiểm tra thiết bị xử lý mùi, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2 331 941; Y = 579 291.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	55	45	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...).

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bố trí thiết bị giảm chấn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Hộp mực in	08 02 08	3
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	3
4	Bao bì bằng nhựa cứng thải (bao bì đựng hóa chất hệ thống xử lý nước thải)	18 01 03	7
5	Than hoạt tính thải bỏ	12 01 04	75
6	Hóa chất thải, nước thải nhiễm hóa chất	19 05 02	10
	Tổng cộng		100

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 314.100 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ bể tự hoại 40.320 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh lớn nhất khoảng 1,44 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa riêng biệt, có dung tích 50 lít, bằng nhựa, có nắp đậy, bánh xe, dán mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 05m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: kết cấu bê tông cốt thép, dân nhãn cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn (01 bể, thể tích 4,61m³).

2.2.2. Khu vực lưu chứa: bể chứa bùn.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn, định kỳ 03 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng hút, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại mỗi lớp học bố trí 02 thùng dung tích 15 lít/thùng (tổng số 74 thùng); tại sân, đường nội bộ,... mỗi vị trí bố trí 03 thùng 50 lít; tại khu bếp bố trí 03 thùng 50 lít (01 thùng màu vàng đựng rác hữu cơ, 01 thùng màu xanh đựng rác tái chế, 01 thùng màu đen đựng rác còn lại); cuối ngày nhân viên vệ sinh thu gom về kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích Kho lưu chứa: 10m², đặt cạnh phòng kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: kết cấu bê tông cốt thép; tại kho bố trí 03 thùng rác loại 240 lít/thùng, để thu gom, lưu giữ rác thải:

+ Thùng rác số 1: chất thải có khả năng tái chế.

+ Thùng rác số 2: chất thải thực phẩm.

+ Thùng rác số 3: chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.3. Biện pháp quản lý:

- Rác thải sinh hoạt sẽ được tập kết về kho lưu chứa đặt cạnh phòng kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Hàng ngày, đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.